

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1744/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 28 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch Nuôi cá nước lạnh tỉnh Lai Châu
Giai đoạn 2011 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thủy sản; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 20/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2006-2010, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 11/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án “Phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 03/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 532/TTr-SNN ngày 19/12/2012 và ý kiến của Sở Kế hoạch & Đầu tư tại Công văn số 964/KHĐT-KTN ngày 19/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Nuôi cá nước lạnh tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2020 với các nội dung chính như sau (có báo cáo kèm theo):

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch nuôi cá nước lạnh phải phù hợp với Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020, Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác.

2. Phát triển nuôi cá nước lạnh tỉnh Lai Châu theo hướng công nghiệp và phát triển toàn diện, bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa, có cơ cấu và

các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao.

3. Phát triển nuôi cá nước lạnh phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu các tác động xấu của hoạt động nuôi cá nước lạnh đến các hoạt động của các ngành kinh tế khác; đảm bảo đem lại hiệu quả về kinh tế, hiệu quả về xã hội một cách ổn định và bền vững.

4. Cần khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở nuôi, sản xuất và ương nuôi giống cá nước lạnh, thực hiện xã hội hoá trong nuôi cá nước lạnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Quy hoạch nuôi cá nước lạnh tỉnh Lai Châu giai đoạn năm 2011 – 2020 nhằm khai thác tối đa các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Là cơ sở thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư nuôi cá nước lạnh tại tỉnh Lai Châu góp phần giải quyết công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo và xây dựng cơ chế chính sách để nuôi cá nước lạnh ổn định và bền vững. Nhằm thúc đẩy nghề nuôi cá trở thành ngành sản xuất hàng hoá có giá trị kinh tế lớn, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Phát triển nuôi cá nước lạnh chủ yếu tập trung tại xã Sơn Bình, huyện Tam Đường; các khu vực có tiềm năng, trước mắt phát triển ở quy mô nuôi phân tán, khi có điều kiện thuận lợi thì sẽ chuyển sang đầu tư nuôi tập trung. Đầu tư một số điểm nuôi cá Tầm lấy trứng (Caviar) nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và tạo ra mặt hàng xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2011 - 2015

Tổng diện tích nuôi cá nước lạnh đến năm 2015 đạt 40,2 ha, trong đó: Thê tích nuôi: 174.000m³ (tính bề sâu 1m); sản lượng cá nước lạnh đạt khoảng 1.340 tấn; giá trị đạt 253 tỷ đồng (theo giá CĐ 2010). Tạo việc làm cho 500 lao động, với mức thu nhập bình quân đạt 5 triệu đồng/người/tháng. Sản xuất con giống đáp ứng được 30% nhu cầu giống, trong đó: Cá Hồi 121.500 con; cá Tầm 193.000 con.

- *Cá Tầm*: Tổng diện tích nuôi đến năm 2015 đạt 33,9 ha, trong đó: Thê tích nuôi: 147.000 m³; sản lượng đạt khoảng 1.029 tấn; giá trị 194 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010), nhu cầu lao động trực tiếp khoảng 350 người.

- *Cá Hồi*: Tổng diện tích nuôi đến năm 2015 đạt 6,3 ha, trong đó: Thê tích nuôi 27.000 m³; sản lượng đạt khoảng 311 tấn; giá trị 59 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010); nhu cầu lao động trực tiếp khoảng 150 người.

2.2. Giai đoạn 2016 - 2020

Tổng diện tích nuôi cá nước lạnh đến năm 2020 đạt 55,3 ha, trong đó: Thê tích nuôi 270.800 m³; sản lượng đạt khoảng 2.517 tấn; giá trị đạt khoảng 475 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010). Sản lượng trứng cá Tầm (Caviar) đạt khoảng 50 tấn, giá trị xuất khẩu đạt 40 triệu USD. Giải quyết việc làm cho 1.000 lao động với

mức thu nhập bình quân đạt trên 8 triệu đồng/người/tháng. Sản xuất con giống đáp ứng 70% nhu cầu, trong đó: Cá Hồi 435.000 con; cá Tầm 747.000 con.

Cá Tầm: Tổng diện tích nuôi đến năm 2020 đạt 46,5 ha, trong đó: Thể tích nuôi 226.800 m³; sản lượng đạt khoảng 1.931 tấn; giải quyết việc làm cho 700 lao động; giá trị sản xuất đạt 364 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010). Sản lượng trứng (Caviar) đạt khoảng 50 tấn, giá trị xuất khẩu đạt 40 triệu USD.

Cá Hồi: Tổng diện tích nuôi đến năm 2020 đạt 8,8 ha, trong đó: Thể tích nuôi 44.000 m³; sản lượng đạt khoảng 586 tấn. Giải quyết việc làm cho 300 lao động, giá trị sản xuất đạt 111 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010).

III. QUY HOẠCH NUÔI CÁ NƯỚC LẠNH GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Quy hoạch vùng nuôi cá Hồi

1.2. Huyện Tam Đường

Tổng diện tích nuôi đến năm 2015 là 4,8 ha, trong đó thể tích nuôi 21.000 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 242 tấn. Đến năm 2020, tổng diện tích sử dụng là 4,9 ha, trong đó thể tích nuôi 27.000 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 360 tấn.

1.2. Huyện Phong Thổ

Tổng diện tích nuôi đến năm 2015 là 1,5 ha, trong đó thể tích nuôi 6.000 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 69 tấn. Đến năm 2020, tổng diện tích sử dụng là 3,5 ha, trong đó thể tích nuôi 17.000 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 226 tấn.

2. Quy hoạch vùng nuôi cá Tầm

2.1. Huyện Tam Đường

Tổng diện tích nuôi đến năm 2015 là 32,3 ha, trong đó thể tích nuôi 141.000 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 987 tấn. Đến năm 2020, tổng diện tích sử dụng là 42,8 ha, trong đó thể tích nuôi 212.000 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 1.802 tấn.

2.2. Huyện Tân Uyên

Tổng diện tích nuôi đến năm 2015 là 01 ha, trong đó thể tích nuôi 4.000 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 28 tấn. Đến năm 2020, tổng diện tích sử dụng là 02 ha, trong đó thể tích nuôi 7.000 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 60 tấn.

2.3. Huyện Phong Thổ

Tổng diện tích nuôi đến năm 2015 là 0,6 ha, trong đó thể tích nuôi 2.000 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 14 tấn. Đến năm 2020, tổng diện tích sử dụng là 1,7 ha, trong đó thể tích nuôi 7.800 m³, sản lượng nuôi đạt khoảng 66 tấn.

3. Quy hoạch vùng sản xuất giống cá Hồi và cá Tầm

3.1. Nhu cầu con giống

Tổng nhu cầu giống cá Tầm năm 2011 là 51.420 con, đến năm 2015 ước 643.125 con và khoảng 1.067.294 con vào năm 2020; tổng nhu cầu giống cá Hồi năm 2011 là 153.300 con, đến năm 2015 ước 405.000 con và khoảng 621.175 con vào năm 2020.

Tổng nhu cầu con giống cá nước lạnh tỉnh Lai Châu đến năm 2015 khoảng 1.408.120 con và đến năm 2020 cần khoảng 1.688.470 con.

3.2. Quy hoạch cơ sở sản xuất giống

Quy hoạch 02 điểm của thủy vực suối Nậm Thy, Nậm Dê thuộc xã Sơn Bình, huyện Tam Đường.

Đến giai đoạn năm 2015 đáp ứng được 30% con giống và đến năm 2020 đáp ứng được 70% con giống cá nước lạnh.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về tổ chức sản xuất

1.1. Với vùng nuôi cá nước lạnh tập trung

- Tổ chức quản lý sản xuất dưới hình thức các hội, các câu lạc bộ hoặc tổ hợp tác nuôi nhằm hoạch định kế hoạch chung, quản lý môi trường và nguồn nước chung, hỗ trợ nhau huy động vốn, trao đổi công nghệ sản xuất giống, công nghệ nuôi thương phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, các thông tin thị trường.

- Xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy; thường xuyên tổ chức kiểm tra và quản lý hoạt động sản xuất giống, thức ăn, kinh doanh thuốc thú y thủy sản và quản lý chất lượng vệ sinh thủy sản giống, thủy sản nuôi và vùng nuôi.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất áp dụng theo tiêu chuẩn và quy trình VietGAP; đồng thời cấp chứng nhận VietGAP cho các cơ sở sản xuất giống và nuôi cá thịt đạt tiêu chuẩn.

1.2. Với các Vùng nuôi cá nước lạnh phân tán

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và năng lực tham gia trên cơ sở đảm bảo hài hòa giữa lợi ích sản xuất và không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và các ngành nghề sản xuất khác; tuân thủ theo sự quản lý của chính quyền địa phương và hướng dẫn của các chuyên môn.

2. Giải pháp về giống

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất và ương nuôi giống cá nước lạnh, thực hiện xã hội hoá trong sản xuất giống thủy sản. Thực hiện thu hút ưu đãi các tổ chức, cá nhân có năng lực đầu tư 02 cơ sở sản xuất giống cá; đồng thời ưu tiên các dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất giống cá nước lạnh trên địa bàn. Trước mắt trong giai đoạn chưa tự sản xuất giống trên địa bàn, cần nhập giống chất lượng tại các cơ sở có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đồng thời tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống theo quy định.

- Thu hút đội ngũ cán bộ có năng lực, đáp ứng được yêu cầu công việc, phục vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra, kiểm dịch con giống và cấp giấy chứng nhận cho những cơ sở sản xuất giống đạt yêu cầu chất lượng theo quy định.

3. Giải pháp về thức ăn

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh thức ăn phục vụ cho phát triển nuôi cá nước lạnh.

- Phối hợp với các Viện nghiên cứu, các Trường, các Công ty để thử nghiệm, khảo nghiệm và sản xuất các loại thức ăn tổng hợp phù hợp cho từng đối tượng nuôi, giá thành phù hợp với sức mua của dân và đạt yêu cầu dinh dưỡng theo quy định.

- Xây dựng các cơ chế chính sách về hỗ trợ thức ăn cho việc chuyển giao cho các mô hình nuôi cá nước lạnh.

4. Giải pháp về bảo vệ môi trường và phòng ngừa dịch bệnh

- Đối với các vùng nuôi tập trung, tiến hành đánh giá tác động môi trường cho từng vùng, từng dự án trước khi xây dựng; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các giải pháp khắc phục ảnh hưởng môi trường; thường xuyên kiểm tra, đánh giá nhằm ngăn ngừa các vấn đề ảnh hưởng đến môi trường phát sinh. Đối với các cơ sở nuôi phân tán phải có hệ thống xử lý nước thải trước khi đưa ra ngoài môi trường.

- Xây dựng và vận hành 01 trạm quan trắc cảnh báo môi trường và phòng ngừa dịch bệnh tại huyện (Tam Đường), nhằm cảnh báo những tác động xấu đến nuôi cá nước lạnh bởi chính các hoạt động sản xuất nuôi cá nước lạnh, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt; ngăn ngừa và phòng trừ dịch bệnh cho các vùng nuôi tập trung.

- Tuyên truyền áp dụng các hình thức sản xuất đảm bảo an toàn vệ sinh sản phẩm thủy sản, áp dụng thực hành nuôi thủy sản tốt (VietGAP), thực hành quản lý tốt (BMP), nuôi có trách nhiệm CoC. Truyền bá kiến thức về kỹ thuật và giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng, thực hiện đồng quản lý môi trường vùng nuôi tập trung.

5. Giải pháp chế biến và tiêu thụ sản phẩm

5.1. Đối với thị trường trong nước

- Điều tra, khảo sát khai thác mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh qua các kênh tiêu thụ: Hệ thống cửa hàng thủy sản tươi sống, các siêu thị tại các trung tâm thành phố lớn, các cửa hàng ăn uống, nhà hàng.

- Xây dựng nhà máy chế biến cá nước lạnh để tạo ra nhiều sản phẩm tiêu thụ khác nhau: Đông lạnh, fillet, hun khói, đóng hộp, sơ chế...

- Đẩy mạnh việc quảng bá, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm cá nước lạnh.

5.2. Thị trường nước ngoài

- Phát triển thị trường xuất khẩu thông qua xúc tiến thương mại. Nghiên cứu xây dựng và phát triển năng lực dự báo nhu cầu và diễn biến thị trường cho doanh nghiệp và người sản xuất. Cung cấp đầy đủ những thông tin cập nhật về thị trường thủy sản thế giới trên các mặt: Giá cả, cân đối cung cầu, xu hướng tiêu thụ, biến động thị trường và những yêu cầu mới của thị trường nhập khẩu.

- Xây dựng vùng nguyên liệu chất lượng cao, để có cơ hội thâm nhập vào các thị trường có yêu cầu khắt khe về truy xuất nguồn gốc. Từng bước nghiên cứu và tiến hành xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm nuôi cá nước lạnh tại nước ngoài để tăng cường đầu ra ổn định cho sản phẩm.

6. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật

- Tập trung đào tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật ngành thủy sản để nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo; đồng thời thu hút các chuyên gia giỏi và cán bộ kỹ thuật chuyên sâu về công nghệ xuất giống và nuôi thương phẩm cá Tầm, cá Hồi.

- Đẩy mạnh các hình thức đào tạo về quản lý và kỹ thuật nuôi cá Tầm, cá Hồi cho các cá nhân, đơn vị tham gia nuôi. Tổ chức đào tạo ngắn hạn phù hợp với trình độ, tập quán của người lao động, nhằm đáp ứng yêu cầu trong quá trình phát triển nuôi nước lạnh trong giai đoạn tới.

- Mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo của Viện nghiên cứu và các Trung tâm đào tạo có uy tín trong và ngoài tỉnh để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề về nuôi cá nước lạnh. Tạo sự liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan nghiên cứu về phát triển kỹ thuật, công nghệ nuôi cá nước lạnh.

- Khuyến khích việc liên doanh với các nhà đầu tư nước ngoài trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và tranh thủ sự tài trợ của các nước và tổ chức quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về nuôi cá nước lạnh cho tỉnh.

7. Giải pháp về cơ chế chính sách

7.1. Hỗ trợ về đất đai

- Tiến hành cho các tổ chức, cá nhân thuê đất sử dụng lâu dài tại vùng quy hoạch nuôi tập trung. Thực hiện Luật Đất đai, Luật Thủy sản, các chính sách và cơ chế hỗ trợ phát triển NTTS theo Nghị quyết số 09/NQ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức, cá nhân đầu tư nuôi các nước lạnh tại vùng quy hoạch nuôi tập trung ngoài các chính sách hỗ trợ ưu đãi về đất theo quy định hiện hành còn được hỗ trợ một phần chi phí giải phóng mặt bằng theo chính sách thu hút ưu đãi đầu tư của tỉnh.

- Đối với các điểm nuôi phân tán: Triển khai giao đất cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh trực tiếp tham gia sản xuất, nuôi cá nước lạnh, trong đó ưu tiên người địa phương có năng lực.

7.2. Hỗ trợ về hạ tầng

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, đồng bộ và hiện đại cho các vùng nuôi cá nước lạnh tập trung. Các tổ chức, cá nhân đầu tư nuôi cá nước lạnh có thể tích từ 5.000m³ (tại vùng Quy hoạch nuôi tập trung xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu) trở lên được tỉnh xem xét hỗ trợ chi phí đầu tư, nâng cấp về đường giao thông, điện, kênh mương thủy lợi theo chính sách thu hút, ưu đãi hỗ trợ đầu tư của Trung ương, tỉnh và các chính sách khác hiện hành.

- Sở Nông nghiệp & PTNT phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất một số dự án theo nội dung Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 03/3/2011 và Đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25/12/2009.

7.3. Hỗ trợ về sản xuất

- Đối với tổ chức, cá nhân tham gia các mô hình, dự án thử nghiệm, khảo nghiệm ương, nuôi cá nước lạnh được hỗ trợ giống, thức ăn, thuốc hóa chất và tập huấn kỹ thuật theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ cho vay ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất giống và nuôi cá nước lạnh theo quy định.

7.4. Đào tạo lao động: Được hưởng theo chính sách hiện hành của tỉnh.

7.5. Chính sách về tín dụng, thuế: Được hưởng chính sách về tín dụng, chính sách về thuế theo quy định hiện hành.

8. Vốn và nguồn vốn đầu tư

8.1. Khái toán tổng vốn đầu tư và phân kỳ đầu tư

- Tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 325,5 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư hạ tầng vùng nuôi trồng tập trung và chế biến: 224 tỷ đồng.

+ Tăng cường năng lực quản lý: 3,5 tỷ đồng.

+ Chi khác (đầu tư trạm quan trắc, xây dựng vùng nuôi theo VietGAP, nghiên cứu ứng dụng các giải pháp phòng trị bệnh...): 98 tỷ đồng.

- Phân kỳ đầu tư

+ Giai đoạn 2011 – 2015: 105,5 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2016 – 2020: 220 tỷ đồng.

8.2. Nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Đầu tư cho các hoạt động khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết vùng nuôi, đầu tư và cải tạo hạ tầng cơ sở; hỗ trợ trong việc phát triển khoa học và công nghệ sản xuất giống cá nước lạnh; hỗ trợ trong xây dựng, thử nghiệm và chuyển giao công nghệ của các mô hình nuôi cá nước lạnh, đào tạo và tập huấn cho các cán bộ quản lý, các hộ dân và tổ chức tham gia nuôi cá nước lạnh trên địa bàn tỉnh; xúc tiến thương mại...

- Nguồn vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân: Đầu tư hệ thống cơ sở cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nuôi, chế biến cá nước lạnh; thuê mướn nhân công; đầu tư giống, thức ăn, thuốc và hóa chất, nhiên liệu...

- Nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức công bố Quy hoạch nuôi cá nước lạnh tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011- 2020 công khai rộng rãi cho các ngành, UBND các huyện, thị xã biết các vùng, địa điểm quy hoạch.

Theo dõi, rà soát bổ sung quy hoạch; tham mưu cho UBND tỉnh trong việc tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện quy hoạch; phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch và các chính sách đầu tư phát triển nuôi cá nước lạnh trên địa bàn tỉnh. Đồng thời củng cố, tăng cường năng lực cho Chi cục Thủy sản về nhân lực, trình độ chuyên môn và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc... Chỉ đạo việc thực hiện quy hoạch đạt mục tiêu đề ra. Chủ trì tổ chức xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các dự án quy hoạch chi tiết.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp cùng Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan hàng năm cân đối nguồn vốn và tổ chức triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch, quy hoạch; hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nuôi cá nước lạnh. Là đầu mối thu hút và kêu gọi và hướng các tổ chức, cá nhân đầu tư vào địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài nguyên & Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nghiêm công tác quản lý bảo vệ môi trường, hướng dẫn triển khai việc giao và cho thuê đất, mặt nước để phát triển nuôi cá nước lạnh theo quy hoạch của tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ quy hoạch và chức năng nhiệm vụ của đơn vị phối hợp triển khai thực hiện.

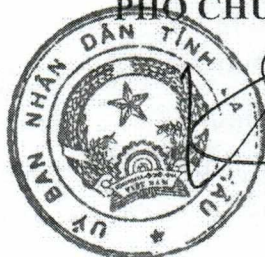
5. UBND các huyện, thị xã tổ chức triển khai rà soát quy hoạch, bố trí nguồn lực phối hợp với các đơn vị chuyên ngành xây dựng quy hoạch chi tiết và các dự án cụ thể để phát triển nuôi cá nước lạnh của địa phương phù hợp với quy hoạch tổng thể của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên & Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Quảng